

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HKI, MÔN NGỮ VĂN 12
NĂM HỌC 2025-2026

A. KHUNG MA TRẬN

Thời gian	Phạm vi kiến thức, kỹ năng	Cấu trúc đề
90 phút	Bài 1, Bài 2: Kỹ năng viết bài Nghị luận văn học: so sánh đánh giá 2 tác phẩm truyện/thơ	I. Đọc hiểu (5.0 điểm) Đọc văn bản văn học Câu 1. (0.75 điểm). Nhận biết Câu 2. (0.75 điểm). Nhận biết Câu 3. (0.5 điểm). Nhận biết Câu 4. (1.0 điểm). Thông hiểu (Hỏi tiếng việt) Câu 5. (1.0 điểm). Vận dụng Câu 6. (1.0 điểm). Vận dụng II. Làm văn (5.0 điểm) Viết bài văn nghị luận so sánh đánh giá 2 tác phẩm truyện/Viết bài văn nghị luận so sánh đánh giá 2 tác phẩm thơ

B. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG

I. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

*** Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật...
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tình cảnh thể của tác phẩm tiểu thuyết, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

*** TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. Tiểu thuyết hiện đại

- Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Từ những hình thái

đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng khác nhau, tùy thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá, thẩm mỹ nhất định. Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt được bước tiến lớn, trở thành một thể loại chính của đời sống văn học và tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

- Tiểu thuyết hiện đại là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện mạo tiểu thuyết hiện đại trở nên phức tạp.

- Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quả đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm lớn sau của tiểu thuyết hiện đại:

+ Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi, không lí tưởng hoá hiện thực.

+ Nhân vật là "con người nếm trải", không bất biến, có quá trình phát triển nhau khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.

+ Có kết cấu nhiều tầng lớp tuyến tính hoặc phi tuyến tính, có sự đan xen của nhiều bề ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.

+ Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

2. Phong cách hiện thực

- Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. Phong cách này có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các sáng tác thuộc nhiều thể loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình... Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tác thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là 5. Đích-ken (Ch. Dickens - Anh), H. đờ Ban-đắc (H. de Balzac Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy - Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky - Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),... Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyên Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn - một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hoá đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

3. Nói mỉa và nghịch ngữ

- Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

- Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần

hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè biiu. Nói mĩa chủ yếu được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mĩa có thể có nghịch ngữ.

- Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình. Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

- Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mĩa. Ở những trường hợp đó, mĩa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

Bài 2: NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

*** Yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.

- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.

- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

*** TRI THỨC NGŨ VĂN**

1. Biểu tượng

- Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản: chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú, gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát.

- Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể "sống" bên ngoài văn bản. Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống. Do đó, quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí văn hóa của dân tộc và thời đại. Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân.

2. Yếu tố siêu thực trong thơ

- Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu. Tuy nhiên, từ phía người sáng tác, sự hiện diện của những hình ảnh ấy hoàn toàn mang tính tự nhiên vì chúng gắn với việc “cất lời” của tiềm thức, vô thức. Để khám phá được một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện tượng thông thường dễ thấy, các nhà thơ siêu thực theo đuổi “lối viết tự động”, để ngòi bút “buông” theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. Yếu tố siêu thực đã xuất hiện thoáng trong một số tác phẩm thơ thời trung đại hoặc thơ dân gian, nhưng chỉ trở thành hiện tượng thẩm mĩ đặc thù trong sáng tác của các nhà thơ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa này ở thời hiện đại.

3. Phong cách cổ điển

- Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. Theo phong cách này, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn...

- Từ quan niệm về thế giới như vậy, phong cách cổ điển định hình với các đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhà; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc thẩm mĩ.

4. Phong cách lãng mạn

- Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực, là hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ thời cổ đại. Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học - nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Tuỳ theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: Khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).

- Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng, chủ trong thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

II. MỘT VÀI LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU THEO THỂ LOẠI

1. Yêu cầu đọc hiểu văn bản truyện

1.1. Nhận biết

- Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật.

- Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của tác phẩm.

1.2. Thông hiểu

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm truyện.
- Lý giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Lý giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lý giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ tác phẩm.
- Phân tích được qđ của người viết về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.

1.3. Vận dụng

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm.

2. Yêu cầu đọc hiểu văn bản thơ

2.1. Nhận biết

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.
- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.

2.2. Thông hiểu

- Lý giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ; Phân tích, lý giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lý giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lý giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh trong bài thơ.

2.3. Vận dụng

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ trong bài thơ.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lý giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.

- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiên bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

C. PHẦN THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

ĐỀ 1: Đề và đáp án minh họa

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Rồi ngày mai con xuống núi

Ngõ ngang

Đất rộng, trời thấp

Bước đầu tiên

Con vấp gót chân mình.

Người thầy ngồi lặng lẽ sương khuya

Áo cổ lông không ngăn được rét rừng như chích

Chăm giáo án như vun từng đóm than tí tách

Thấp lửa hồng ấm mãi tim con.

Rồi ngày mai con xuống núi

Gặp phố phường ngã bảy, ngã mười

Gặp lòng người đỏ, vàng, đen, trắng

Mỗi lần vấp, một bước đi

Sẽ sức nhớ người thầy trên núi.

Ngọn lửa ấy là mo cơm khi đói

Là chiếc gậy con vịn đường mưa

Là ngón tay gõ vào chốt cửa

Phía sau kia rộng mở nụ cười.

Bố mẹ cho con cán rìu, lưỡi hái

Vung một dải quang ba ngọn đồi

Nhưng chưa đủ mo cơm, tay nải

Trên đường xa về phía chân trời.

Ngày mai con xuống núi

Cùng tay nải hành trang đầu tiên

Đi như suối chảy về với biển

Chớ quên mạch đá cội nguồn.

(Trích *Rồi ngày mai con đi*, Lò Cao Nhum,

NXB Hội Nhà văn, 2009, tr.48-49)

Nhà thơ Lò Cao Nhum (1955 - 2023), quê ở Hòa Bình, người dân tộc Thái, là Hội viên Hội Nhà văn năm 2001, đạt được nhiều giải thưởng văn học.

Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ trong văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra những điều mà ngày mai *con* xuống núi, *con* sẽ gặp?

Câu 3. Hành trang bố mẹ cho con khi xuống núi?

Câu 4. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ ẩn dụ trong đoạn thơ sau:

Người thầy ngồi lặng lẽ sương khuya

Áo cổ lông không ngăn được rét rừng như chích

Chăm giáo án như vun từng đóm than tí tách

Thấp lửa hồng ấm mãi tim con.

Câu 5. Trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời dặn dò của người cha dành cho *con* trong đoạn thơ sau:

Ngày mai con xuống núi

*Cùng tay nải hành trang đầu tiên
Đi như suối chảy về với biển
Chớ quên mạch đá cội nguồn.*

Câu 6. Từ nội dung của dòng thơ: *Mỗi lần vấp, một bước đi*, anh/chị hãy rút ra bài học cuộc sống cho bản thân. (Trả lời khoảng 5 - 7 dòng).

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ MINH HỌA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	- Thể thơ của văn bản trên là: thể thơ tự do Hướng dẫn chấm: <i>Trả lời đúng đạt 0,75 điểm</i>	0.75
	2	- Theo văn bản, ngày mai <i>con</i> xuống núi, <i>con</i> sẽ gặp: + <i>phố phường ngã bảy, ngã mười</i> + <i>lòng người đỏ, vàng, đen, trắng</i> Hướng dẫn chấm: - <i>HS trích dẫn 02 ý đạt 0,75 điểm.</i> - <i>HS trích dẫn cả dòng thơ đạt 0,5 điểm</i>	0.75
	3	- <i>Bố mẹ cho con cán rìu, lưỡi hái</i> Hướng dẫn chấm: <i>Trả lời đúng đạt 0,5 điểm</i>	0.5
	4	- Biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>Chăm - vun, Thấp lú</i> - Tác dụng : + Tăng sức gợi hình, gợi cảm + Lời thơ nhắc nhở về người thầy cần mẫn, chăm chỉ, tận tâm chăm chút từng trang giáo án để có những bài dạy hay nhất, ý nghĩa nhất, để truyền cảm hứng, tình yêu, niềm tin cho học trò. + Tình yêu thương và lòng biết ơn của nhân vật trữ tình đối với người thầy của con mình. Hướng dẫn chấm: - <i>HS trả lời đúng nội dung: đạt 1,0 điểm.</i> - <i>HS trả lời đúng 01 tác dụng: đạt 0,25 điểm.</i> - <i>HS có cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa.</i>	1.0
	5	- Lời dặn dò của người cha dành cho <i>con</i> : Trên con đường thực hiện ước mơ, khát vọng của mình, con hãy mạnh mẽ, kiên cường, bền bỉ và đừng bao giờ quên cội nguồn, quê hương, bản quán. - Đó là lời dặn dò tha thiết, sâu sắc, chứa đựng tình yêu thương bao la mà người cha dành cho con. Hướng dẫn chấm: - <i>HS trả lời đúng mỗi ý được 0,5 điểm</i> - <i>HS có cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa</i>	1.0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	6	HS có thể chọn một trong số các bài học và đưa ra lí giải hợp lí, thuyết phục: - Mỗi lần thất bại, hãy mạnh mẽ và tiếp tục bước đi. - Không sợ thất bại. - Chấp nhận thất bại và vượt lên nó. Hướng dẫn chấm: - HS nêu được bài học: đạt 0,5 điểm. - HS lí giải phù hợp, thuyết phục: đạt 0,5 điểm. - HS có cách diễn đạt tương đương đạt số điểm tối đa.	1.0
II		PHẦN VIẾT	5.0
		Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân và <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> - Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân và <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài	0.25
		<i>c. Triển khai các luận điểm nghị luận:</i> vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:	
	Mở bài	Giới thiệu hai tác phẩm truyện; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.	0.25
	TB	1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học - Khái quát về tác giả - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... + Hoàn cảnh ra đời: <i>Vợ chồng A Phủ</i> Tô Hoài sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc; <i>Vợ nhặt</i> Kim Lân viết trước Cách mạng tháng Tám nhưng hoàn thành sau Cách mạng... + Đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... 2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều làm nên sự khác biệt ấy - Những điểm tương đồng: Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người lao động. - Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện: + Khác biệt trong tiếp cận số phận con người + Khác biệt trong cách cảm nhận về đẹp con người + Khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật	3.0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		- Điều kiện làm nên sự khác biệt ấy... 3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm	
	KB	Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh. <i>Vợ chồng A Phủ</i> và <i>Vợ nhặt</i> có thể xem như những phát minh về hình thức, những khám phá về nội dung. Để rồi, mỗi khi lật mở từng trang sách ấy, người đọc lại được trải nghiệm những số phận khác nhau, được chiêm ngưỡng những vẻ đẹp tâm hồn khác nhau, được thưởng thức những thú vị nghệ thuật khác nhau,... Mỗi tác phẩm đã thực sự chọn những cách neo đậu rất riêng trong tâm hồn bạn đọc.	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, kiến giải mới mẻ	0.5
Tổng	7 câu		10.0

ĐỀ ÔN TẬP 2:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Núi thu

*Như thu vừa chạm ngõ
gió theo về hương cốm nếp non
nắng tháng chín len vàng lời hẹn
mây ngang trời vắt dài khăn voan
Thế rồi em mặc thu luôn rồi tóc
hoa cúc xanh vừa chớm môi mùa
tách trà nâu sợi khói chiều thì trắng
về bao điều chưa nói bay lên*

*Ta bối rối
thu dùng dằng nặng nhở
một đoá quỳnh vừa bừng thức đêm qua
muôn muốt trắng đang thắm nhả
Hà Nội thu rồi
lời hẹn dậy hương
Bao say đắm
nên thu còn ở lại
với lâng lâng một nụ đêm xa...*

(*Núi thu*, Vũ Trần Anh Thư, http://vannghequandoi.com.vn/tho/tho-cua-vu-tran-anh-thu_16601.html, 02/01/2025)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định những từ ngữ thể hiện tâm trạng của tác giả khi mùa thu đến.

Câu 3. Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn thơ sau:

Như thu vừa chạm ngõ

*gió theo về hương cốm nếp non
nắng tháng chín len vàng lời hẹn
mây ngang trời vắt dải khăn voan*

Câu 5. Cảm nhận về tâm trạng nhân vật trữ tình qua văn bản trên.

Câu 6. Từ tâm trạng của nhân vật trữ tình, anh chị hãy bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp của cuộc sống (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trong hai tác phẩm thơ sau:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.”

(trích trong bài thơ “*Việt Bắc*” của Tố Hữu)

“Dẫu xuôi về phương bắc

Dẫu ngược về phương nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh một phương.”

(trích trong bài thơ “*Sóng*” của Xuân Quỳnh)

ĐỀ ÔN TẬP 3:

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm) Đọc văn bản:

CÓM NẮNG

(Cầm Thị Đào)

Giới thiệu: Nga rời xóm trọ chật chội chuyển về khu ở mới, một nơi khang trang, sạch sẽ, văn minh nhất thành phố. Nga tạo được mối quan hệ thân thiện với mọi người nơi khu phố mới chuyển đến. Trong khu phố có một ngôi “nhà bên” của hai ông bà, xung quanh cỏ mọc um tùm. Nga chưa có dịp sang thăm. Gia đình hai ông bà “nhà bên” xảy ra nhiều chuyện gây xôn xao khu phố: người con trai bị bắt đi tù vì trộm cắp, người cha trong quá khứ cũng đi tù, người vợ mất vì bị ung thư. Ông lão đang bị ung thư, phải chống lại cơn đau đớn bệnh tật và nổi cơn điên bằng cách suốt ngày hát. Mọi người trong khu phố không hiểu chuyện nên rất khó chịu, xem đó là “nỗi thống khổ” mà họ phải chịu đựng và xa lánh ông. Một lần Nga sang thăm và đã thấu hiểu mọi chuyện về ông.

Tối hôm ấy, Nga dắt con sang thăm ông. Đây là lần thứ hai Nga bước chân vào ngôi nhà này kể từ khi về đây. Bên trong giản đơn hết mực, một chiếc tivi, dàn âm li cũ kỹ lỗi thời, vài bức ảnh gia đình.

Bệnh của tôi thì chịu rồi, bệnh viện cũng bó tay. Có mấy đồng tiết kiệm để dành mua thuốc hết, mỗi ngày uống hai triệu tiền thuốc cô ạ

- Ông cảm thấy trong người thế nào ạ?

- Đau, những cơn đau liên tục.

Ông kể mấy tháng trước ông sụt gần chục ký, bây giờ thuốc thang vào đã tăng cân trở lại nhưng da dẻ bắt đầu sần sùi, từng mảng thịt ửng đỏ dần khắp cơ thể. Tóc bạc trắng. Như biết được Nga đang nghĩ gì, ông già nói như thanh minh:

- Tôi ở một mình, hôm vào tù thăm con định nói bố bệnh mà không dám, sợ nó buồn. Nó còn mấy năm nữa, tôi chắc sắp chết rồi, đành phải phiền anh em họ hàng và bà con lối xóm đoạn đường cuối. Có chuyện này, mong có thông cảm. Mỗi lần đau đớn quá chẳng biết làm gì, tôi lại ngồi hát. Tôi hát để quên đi thân thể già yếu. Biết là sẽ phiền hà mọi người lắm nhưng thủ thật tôi cũng chẳng có tiền mà đi viện còn căn nhà này để cho thằng con, chả nhẽ bán nốt.

Ông cố gắng kiềm chế không khóc trước mặt hai mẹ con Nga. Lòng thương hại của người khác đôi khi như thuốc độc. Thằng bé con thấy mắt ông ngấn lệ liền sẽ sàng tới bên ông ngồi, rồi vỗ vỗ vai như một người bạn, nó không thấy ông đáng sợ như mọi ngày mà chỉ còn là một ông già hiền lành như bao người già khác. Nga chợt hình dung ra ông đã cô độc cỡ nào. Cô cảm nhận được sức chịu đựng miệt mài. Người đàn ông này ở một mình, ăn nhậu một mình, hát hò một mình và đón đau cũng một mình. Bị ai mà hát. Đau đớn quá mà hát. Lạ thật và cũng xót xa thật.

Thế là từ hôm đó, Nga không còn khó chịu về tiếng hát của người hàng xóm nữa. Thậm chí có còn mong ông cứ hát lên nếu tiếng hát có thể khiến ông quên đi nỗi thống khổ của chính mình. Ông còn hát được nghĩa là còn sức lực. Sự khó chịu của Nga và những người khác có là gì so với thân phận đầy ắp ai oán của một người gần đất xa trời. Nhưng tiếng hát hình như càng ngày càng yếu dần. Và thưa thớt. Cho đến một hôm nó hoàn toàn tắt lịm

Không biết từ bao giờ, Nga có thói quen đứng trông sang nhà bên. Ngôi nhà giờ cửa khoá then cài.

Cây bàng vẫn đứng canh ở cửa. Suốt từ khi Nga về đây phố này, sân nhà ấy chẳng mấy khi có nắng. Mùa hè thì mát rượi. Nhưng những mùa khác trông rất thê lương. Lại thêm cỏ dại cao lút đầu người, cây xấu hổ quăn quýt tới tận cửa xếp. Ông đã nhờ Nga để ý ngôi nhà bỗng nảy ra một ý. Cô quay vào nhà lấy con dao rựa rồi sang nhà hàng xóm. Nga mở cửa, cho đến khi con trai ông trở về. Nhìn cây bàng có độc mà cành tán loà xoà khắp nơi. Nga thấp cho ông bà nên hương, quét dọn một hồi.

Nga đứng dưới sân ngó nghiêng tán bàng, rồi leo lên chiếc ghế cao mấy bậc bắt đầu chặt tia, những tán cành thừa thãi nằm ngổn ngang giữa sân, cho đến khi những khoảng nắng đầu tiên rọi thẳng vào ngôi nhà quanh năm âm u.

(Tập chí Văn nghệ Quân đội, 2024, số 1043-1044, tr. 49-50)

(1) Cẩm Thị Đào quê gốc Thanh Hoá, hiện đang sống và dạy học tại Ninh Bình. Cẩm Thị Đào sớm gây chú ý trên văn đàn với tập thơ đầu tay Trái tim kiêu hãnh (2017). Tuy vậy, với truyện ngắn, Cẩm Thị

Đào lại cho thấy một lối viết đẹp, dụng công trong việc tạo dựng không gian và điều tiết mạch truyện khéo léo để cảm xúc độc giả luôn đông đầy đến tận những chữ cuối cùng. Truyện ngắn Cơm nắng đăng trên tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 2024, số 1043-1044.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra lời của nhân vật trong những câu văn sau:

Tối hôm ấy, Nga dắt con sang thăm ông. Đây là lần thứ hai Nga bước chân vào ngôi nhà này kể từ khi về đây. Bên trong giản đơn hết mực, một chiếc tivi, dàn âm li cũ kỹ lỗi thời, vài bức ảnh gia đình.

- Bệnh của tôi thì chịu rồi, bệnh viện cũng bỏ tay. Có mấy đồng tiết kiệm để dành mua thuốc hết, mỗi ngày uống hai triệu tiền thuốc cô ạ.

Câu 3. Vì sao nhân vật Nga không còn khó chịu về tiếng hát của người hàng xóm nữa ?

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn: Người đàn ông này ở một mình, ăn nhậu một mình, hát hò một mình và đón đầu cũng một mình.

Câu 5. Những câu văn sau cho biết điều gì về nhân vật ông lão hàng xóm?

Có chuyện này, mong cô thông cảm. Mỗi lần đau đớn quá chẳng biết làm gì, tôi lại ngồi hát. Tôi hát để quên đi thân thể già yếu. Biết là sẽ phiền hà mọi người lắm nhưng thật tôi cũng chẳng có tiền mà đi viện, còn căn nhà này để cho thằng con, chả nhẽ bán nốt.

Câu 6. Qua văn bản, anh/chị hãy rút ra một bài học có ý nghĩa đối với bản thân và lí giải (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng).

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao

ĐỀ ÔN TẬP 4:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

.... Đất nước

Của thơ ca

Của bốn mùa hoa nở

Đọc trang Kiều tưởng câu hát dân gian

Nghe xôn xao trong gió nội mây ngàn

Đất nước

Của những người mẹ

Mặc áo thay vai

Hạt lúa củ khoai

Bền bỉ nuôi chồng, nuôi con chiến đấu

Đất nước

Của những dòng sông

Gọi tên nghe mát rượi tâm hồn

Ngọt lịm những giọng hò xứ sở

Trong sáng như trời xanh, mượt mà như nhung lụa

Đất nước

Của những người con gái con trai

Đẹp như hoa hồng, cứng hơn sắt thép

Xa nhau không hề rơi nước mắt

Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt...

(Trích *Chúng con chiến đấu cho Người sống mãi Việt Nam ơi !* - Nam Hà,

NXB Chính trị quốc gia, 2009, tr.370)

Chú thích: Nam Hà tên thật là Nguyễn Anh Công (1935 – 2018), sinh tại Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007. Bài thơ “Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi!” được viết năm 1966.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2. Liệt kê những hình ảnh tác giả đã dùng để nói về đất nước trong đoạn trích.

Câu 3. Cảm nhận về ý nghĩa của 2 câu thơ:

*Xa nhau không hề rơi nước mắt
Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt...*

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những dòng thơ sau:

*Đất nước
Của những người con gái con trai
Đẹp như hoa hồng, cứng hơn sắt thép*

Câu 5. Nhận xét của anh/chị về hình ảnh người mẹ Việt Nam trong những câu thơ sau:

*Đất nước
Của những người mẹ
Mặc áo thay vai
Hạt lúa củ khoai
Bền bỉ nuôi chồng, nuôi con chiến đấu*

Câu 6. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy nêu những hành động bản thân cần làm để thể hiện trách nhiệm đối với đất nước. (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng).

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của hai bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà em yêu thích.

ĐỀ ÔN TẬP 5:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Một nửa

*Thiếu một nửa, tôi đi tìm một nửa
Một nửa nắng vàng, một nửa mưa bay
Một nửa khuya, một nửa chiều, nửa gió
Ai sẽ là một nửa của tôi đây?*

*Nhớ một nửa, tôi đi tìm một nửa
Một nửa đường xa, một nửa bụi hồng
Một nửa vui, một nửa buồn, nửa giận
Bạn có là một nửa của tôi không?*

*Khuyết một nửa, tôi đợi chờ một nửa
Như rằm chờ một nửa của vầng trăng
Như câu hỏi đợi một người để hỏi:
Bạn có là một nửa của tôi chăng?*

(Ngày xưa có một chuyện tình, Nguyễn Nhật Ánh, NXB Trẻ, 2024)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ trong văn bản trên

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ

Câu 3. Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong văn bản.

Câu 4. Chỉ ra 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:

Thiếu một nửa, tôi đi tìm một nửa

Một nửa nắng vàng, một nửa mưa bay

Một nửa khuya, một nửa chiều, nửa gió

Ai sẽ là một nửa của tôi đây?

Câu 5. Phân tích ý nghĩa của từ *một nửa* được tác giả sử dụng trong bài thơ.

Câu 6. Từ nội dung bài thơ, anh/chị hãy trình bày những biện pháp để tự tạo ra hạnh phúc cho bản thân.
(Trình bày từ 5 đến 7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (5.0 điểm)

Câu lạc bộ Văn học của trường bạn tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề *Những sắc điệu phong phú của thi ca*. Bạn hãy chuẩn bị bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để tham gia buổi tọa đàm.